

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc chi trả tiền DVMTR trong năm 2016 cho các chủ rừng thuộc lưu vực nhà máy thủy điện Đăk Psi 3**

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Thực hiện Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 6/3/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2016; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum thông báo cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển thủy điện Đăk Psi kết quả chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã thu trong năm 2016 cho các chủ rừng thuộc lưu vực nhà máy thủy điện Đăk Psi 3 như sau:

#### **1. Kết quả thu và phân bổ sử dụng tiền chi trả DVMTR**

a) Tổng số tiền DVMTR được sử dụng trong năm 2016: 1.409.275.739 đồng, trong đó:

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum thu trong năm 2016 là 1.366.852.840 đồng.

- Lãi tiền gửi ngân hàng từ nguồn chi trả cho các chủ rừng là 42.422.899 đồng.

b) Phân bổ sử dụng: 1.409.275.739 đồng, trong đó:

- Chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum là 136.685.284 đồng.

- Chi trả cho các chủ rừng nằm trong lưu vực là 1.272.590.455 đồng.

#### **2. Kết quả chi trả cho các chủ rừng**

Đến ngày 28/4/2017, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum đã chi trả đầy đủ số tiền 1.272.590.455 đồng cho các chủ rừng nằm trong lưu vực nhà máy thủy điện Đăk Psi 3 tương ứng với diện tích rừng được nghiệm thu là 23.728,09 ha (diện tích quy đổi 21.829,23 ha).

(chi tiết có biểu kèm theo)



Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum thông báo đề Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển thủy điện Đăk Psi biết./.

**Nơi nhận:**

- Công ty CP ĐT&PT thủy điện Đăk Psi;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Giám đốc, PGĐ Quỹ;
- Phòng TCHCKT thuộc Quỹ;
- Lưu VT, KHKT.

**GIÁM ĐỐC**



**Hồ Thanh Hoàng**





**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHO CÁC CHỦ RỪNG THUỘC LƯU VỰC NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮK PSI 3 TRONG NĂM 2016**

*(Kèm theo Thông báo số: 134/TB-QBVPTR ngày 03 tháng 05 năm 2017 của Ủy Ban Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum)*

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Diện tích có rừng (ha)	Diện tích quy đổi (ha)	Tổng tiền	Trong đó	
					Số tiền DVMTR thu trong năm 2016	Lãi từ nguồn chi trả cho các chủ rừng
1	2	3	4	5=6+7	6	7
	<b>Tổng</b>	<b>23.728,09</b>	<b>21.829,23</b>	<b>1.272.590.455</b>	<b>1.230.167.556</b>	<b>42.422.899</b>
<b>A</b>	<b>Chủ rừng là tổ chức</b>	<b>17.487,21</b>	<b>16.195,78</b>	<b>944.174.185</b>	<b>912.699.325</b>	<b>31.474.860</b>
1	BQL rừng phòng hộ Đăk Hà	2.007,73	1.907,34	111.193.449	107.486.720	3.706.729
2	BQL rừng phòng hộ Tu Mơ Rông	3.554,47	3.376,75	196.856.042	190.293.676	6.562.366
3	Công ty TNHH MTV LN Đăk Tô	10.951,21	10.122,91	590.140.871	570.468.016	19.672.854
4	Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam	973,80	788,78	45.983.823	44.450.913	1.532.910
<b>B</b>	<b>UBND xã, thị trấn (Huyện Tu Mơ Rông)</b>	<b>3.533,46</b>	<b>3.197,23</b>	<b>186.390.413</b>	<b>180.176.928</b>	<b>6.213.485</b>
1	UBND xã Măng Ri	172,36	155,12	9.043.349	8.741.881	301.468
2	UBND xã Ngọc Lậy	340,29	314,98	18.362.474	17.750.345	612.129
3	UBND xã Ngọc Yêu	949,69	859,60	50.112.485	48.441.942	1.670.543
4	UBND xã Tê Xăng	510,72	459,65	26.796.351	25.903.072	893.279
5	UBND xã Tu Mơ Rông	997,59	901,38	52.548.244	50.796.503	1.751.741
6	UBND xã Văn Xuôi	562,81	506,50	29.527.510	28.543.185	984.325
<b>C</b>	<b>Chủ rừng hộ gia đình, cộng đồng dân cư (Huyện Tu Mơ Rông)</b>	<b>2.707,42</b>	<b>2.436,22</b>	<b>142.025.857</b>	<b>137.291.302</b>	<b>4.734.554</b>
1	Xã Ngọc Yêu	916,78	824,87	48.087.782	46.484.734	1.603.048
2	Xã Văn Xuôi	1.685,85	1.517,04	88.439.975	85.491.752	2.948.223
3	Xã Tê Xăng	77,92	70,13	4.088.290	3.952.004	136.287
4	Xã Tu Mơ Rông	26,87	24,18	1.409.810	1.362.812	46.997

*Đam*